|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục I.5**  **KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 ĐIỀU CHỈNH**  *(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)* | | | | | | | | | |
| *Đơn vị tính: Triệu đồng* | | | | | | | | | |
| **TT** | **Danh mục dự án** | **Địa điểm XD** | **Thời gian KC-HT** | **Quyết định đầu tư** | | **Kế hoạch 2023 điều chỉnh theo NQ 14** | **Điều chỉnh và giao bổ sung theo thẩm quyền UBND tỉnh** | **Kế hoạch 2023 sau điều chỉnh** | **Chủ đầu tư** |
| **TMĐT** | |
| **Tổng số (tất cả các nguồn vốn)** | **Trong đó: NSTW** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **A** | **VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG** |  |  | **13.070.940** | **6.085.972** | **598.800** | **0** | **598.800** |  |
| **A.1** | **NGÀNH GIAO THÔNG** |  |  | **12.106.052** | **5.450.422** | **488.800** |  | **488.800** |  |
| **I** | **Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội** |  |  | **8.010.000** | **3.566.972** | **110.000** |  | **110.000** |  |
|  | **Các dự án khởi công mới năm 2023** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh | Đồng Nai | 2023-2028 | 3.868.000 | 1.566.972 | 100.000 |  | 110.000 |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai | Đồng Nai |  | 2.584.000 | 710.972 | 50.000 |  | 50.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| b | Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai | Đồng Nai |  | 1.284.000 | 856.000 | 50.000 | 10.000 | 60.000 | UBND huyện Nhơn Trạch |
|  | **Dự phòng chưa phân bổ (chỉ thực hiện giao khi đủ điều kiện về hồ sơ)** |  |  |  |  | 10.000 | (10.000) | 0 |  |
| **II** | **Các dự án khác** |  |  | **4.096.052** | **1.883.450** | **378.800** |  | **378.800** |  |
|  | **Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án nâng cấp đường tỉnh 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), huyện Xuân Lộc và huyện Định Quán (vốn trung ương đầu tư đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến) | Tỉnh Đồng Nai | 2021-2024 | 821.892 | 170.000 | 50.325 |  | 50.325 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
|  | **Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) | Biên Hòa | 2020-2024 | 1.985.000 | 813.450 | 70.000 |  | 70.000 | Ban Quảnlý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 2 | Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) | Biên Hòa | 2021-2024 | 1.289.160 | 400.000 | 62.675 |  | 62.675 | UBND thành phố Biên Hòa |
|  | **Các dự án khởi công mới năm 2023** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | Long Khánh | 2021-2024 | 1082000, 939480 | 500.000 | 195.800 |  | 195.800 | UBND thành phố Long Khánh |
| **A.2** | **LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN** |  |  | **964.888** | **635.550** | **110.000** |  | **110.000** | **-** |
| **I** | **Các dự án khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) | Biên Hòa | 2021-2024 | 614.100 | 400.000 | 100.000 |  | 100.000 | UBND thành phố Biên Hòa |
| 2 | Dự án kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai bảo vệ thành phố Biên Hòa (đoạn 2 từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phố) | Biên Hòa | 2021-2024 | 350.788 | 235.550 | 10.000 |  | 10.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |